

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HS-PT

Ngày 21/6/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lực

Các Thẩm phán:

Ông Lê Văn Việt

Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Cẩm Nang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 60/2018/TLPT-HS ngày 14/5/2018 đối với bị cáo Thạch Ngọc Q, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2018/HS-ST ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

Bị cáo có kháng cáo: Thạch Ngọc Q, sinh năm 1989, tại Trà Vinh.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch S và bà Thạch Thị C; vợ: Thạch Thị So P và 02 con lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/12/2017 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lục Khả Tú - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có người tham gia tố tụng khác nhưng không có liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Thạch Ngọc Q cùng vợ Thạch Thị So P sống chung nhà cha mẹ vợ là ông Thạch P và bà Thạch Thị X tại ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Khoảng 15 giờ ngày 12/11/2017, trong lúc tìm chìa khóa xe mô tô, bị cáo phát hiện dưới chiếu giường ngủ của ông Thạch P có 01 túi nylon màu đen, nghi có tiền, bị cáo nảy sinh ý định trộm, nhưng lúc đó có ông Thạch P ở nhà nên chưa thực hiện được.

Khoảng 09 giờ ngày 13/11/2017, bị cáo lợi dụng nhà không có ai nên lên lúc đến giường ngủ của ông Thạch P lấy trộm túi nylon trên và đem vào phòng ngủ của bị cáo kiểm tra thì phát hiện bên trong túi nylon màu đen có 01 cọc tiền đều có mệnh giá 500.000 đồng và 01 túi nylon màu xanh bên trong cũng có tiền mệnh giá 200.000 đồng và 500.000 đồng. Bị cáo lấy cọc tiền có mệnh giá 500.000 đồng bỏ vào túi quần đang mặc, còn lại cọc tiền trong túi nylon màu xanh bị cáo giữ nguyên trong túi nylon màu đen và đem cất giấu dưới gốc chuối bên hông nhà. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, ông Thạch P kiểm tra thì phát hiện bị mất số tiền 45.500.000 đồng. Đến ngày 19/11/2017, con dâu của ông Thạch P là Thạch Thị S phát hiện túi nylon màu đen có chứa tiền trước sân hàng ba nhà mình, nên chị Thạch Thị S đưa cho ông Thạch P xem và kiểm tra bên trong có số tiền 18.000.000 đồng, ông Thạch P xác định đây là tiền ông bị mất nên đã quản lý.

Quá trình điều tra, bị cáo khai nhận cọc tiền có mệnh giá 500.000 đồng mà bị cáo lấy trộm của ông Thạch P là 27.500.000 đồng. Số tiền này bị cáo đem trả nợ và tiêu xài cá nhân. Do tiền bị mất là của anh Thạch D và chị Lâm Thị S gửi vợ chồng ông Thạch P và bà Thạch Thị X cất giữ nên sau khi xảy ra sự việc vợ chồng ông Thạch P, bà X đã trả cho anh Thạch D, chị Lâm Thị S 45.500.000 đồng, bị cáo đã khắc phục hậu quả trả cho ông Thạch P được 10.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2018/HS-ST ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Thạch Ngọc Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo 09 tháng tù. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/4/2018, bị cáo Thạch Ngọc Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Thạch Ngọc Q khai nhận hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm và xác nhận Tòa án xét xử bị cáo về tội trộm cắp tài sản là đúng. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo với lý do: Bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền trộm cắp trả lại cho ông Thạch P. Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo thật sự nhận ra tội lỗi đã gây ra, thành thật ăn năn hối cải, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án cho rằng: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến

tại phiên tòa phúc thẩm có đủ căn cứ xác định bị cáo Thạch Ngọc Q đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Thạch P số tiền 45.500.000 đồng, với hành vi này bị cáo đã phạm vào khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tòa án xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 138 là đúng pháp luật. Sau khi phạm tội bị cáo chưa thành khẩn khai báo ngay từ đầu, đến khi bị hại báo Công an thì bị cáo mới thành thật khai báo. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù là tương xứng với mức độ hành vi đã thực hiện. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới là đã khắc phục xong hậu quả cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo 03 tháng tù so với mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Bị cáo không trình bày ý kiến tự bào chữa, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo và xin cho bị cáo được hưởng án treo như nội dung đơn kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo kháng cáo đúng quy định tại các điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, nên vụ án được xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận: Do bị cáo sống chung nhà với cha mẹ vợ là ông Thạch P và bà Thạch Thị X tại ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Khoảng 09 giờ ngày 13/11/2017 lợi dụng không có ai ở nhà, bị cáo đã lén lúc đến giường ngủ của ông Thạch P chiếm đoạt số tiền 45.500.000 đồng. Với hành vi này, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 để xét xử bị cáo Thạch Ngọc Q về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội danh.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Thạch Ngọc Q thấy rằng: Bị cáo là người chưa có tiền án tiền sự, sau khi phạm tội có thái độ thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra bị cáo đã khắc phục được một phần hậu quả bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có hai con còn nhỏ. Các tình tiết này, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ và áp dụng điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 09 tháng tù là tương xứng với hành vi của bị cáo đã gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại ông Thạch P và bà Thạch Thị X số tiền 17.500.000 đồng. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới, nên cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Thạch Ngọc Q: Yêu cầu này của bị cáo cũng được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá nhưng không được chấp nhận. Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy hiện nay trên địa bàn huyện T tình hình tội phạm có chiều hướng gia tăng, trong đó có hành vi trộm

cấp tài sản, nếu xử cho bị cáo được hưởng án treo thì không đáp ứng tình hình chính trị tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo đã gây ra như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Số tiền bị cáo chiếm đoạt là của anh Thạch D và chị Lâm Thị S gửi ông Thạch P và bà Thạch Thị X cất giữ, nên tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tài sản bị mất không thuộc sự quản lý của anh Thạch D và chị Lâm Thị S. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lén lút với ông Ph bà X, không phải lén lút với anh Thạch D và chị Lâm Thị S, án sơ thẩm xác định anh Thạch D và chị Lâm Thị S là người bị hại trong vụ án là không đúng. Từ việc xác định sai tư cách của người bị hại, nên xác định yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt của anh Thạch D và chị Lâm Thị S để làm căn cứ áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là không chính xác. Tuy nhiên, tại Tòa sơ thẩm ông Thạch P và bà Thạch Thị X là người bị hại trong vụ án cũng có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên được xem như người bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm để tránh sai lầm tương tự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, vợ chồng ông Thạch P đã trả cho anh Thạch D và chị Lâm Thị S 45.500.000 đồng, bị cáo đã khắc phục hậu quả trả cho ông Thạch P được 10.000.000 đồng. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Thạch P, bà X mới đúng. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường cho ông Thạch P số tiền 17.500.000 đồng nên sửa án sơ thẩm theo hướng không buộc bị cáo phải bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Thạch Ngọc Q, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2018/HS-ST ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

Tuyên bố: Bị cáo Thạch Ngọc Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Thạch Ngọc Q 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Do đã khắc phục xong cho người bị hại nên bị cáo không phải bồi thường.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Buộc bị cáo Thạch Ngọc Q phải chịu 200.000 đồng án

phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm.

- Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- TAND huyện T;
- CA huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Lực